ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI ------- Nghị quyết số: …. 2021/UBTVQH15	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ---------- *Hà Nội, ngày ….. tháng…..năm 2021*

(Dự thảo thẩm định 17.8)

NGHỊ QUYẾT
Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Phân loại đô thị

ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI

Căn cứ Hiến pháp nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Luật Tổ chức Quốc hội số 57/2014/QH13;Luật số: 65/2020/QH14 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Quốc hội số 57/2014/QH13;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13;Luật số: 47/2019/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ số 76/2015/QH13 và Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13;

Căn cứ Luật quy hoạch số 21/2017/QH14; Luật quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12; Luật số 35/2018/QH14 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch;

Xét đề nghị của Chính phủ tại Tờ trình số /TTr-CP ngày tháng năm 2021, Báo cáo thẩm tra số /BC-UBPLQH ngày tháng năm 2021 của Ủy ban Pháp luật của Quốc hội,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Phân loại đô thị

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 2 như sau:

"Điều 2. Mục đích, nguyên tắc phân loại đô thị

1. Phân loại đô thị nhằm xác lập cơ sở cho việc đánh giá chất lượng đô thị; tổ chức, sắp xếp và phát triển hệ thống đô thị cả nước; tổ chức thực hiện các hoạt động quy hoạch, quy hoạch đô thị; xây dựng chính sách, cơ chế quản lý phát triển đô thị.

2. Việc phân loại đô thị được thực hiện trên cơ sở Chương trình phát triển đô thị quốc gia, Chương trình phát triển đô thị toàn tỉnh và Chương trình phát triển từng đô thị để quản lý phát triển đô thị, bảo đảm phù hợp với từng giai đoạn phát triển kinh tế - xã hội.

3. Đô thị, khu vực dự kiến hình thành đơn vị hành chính đô thị được quy hoạch, đầu tư xây dựng đạt tiêu chí, tiêu chuẩn của loại đô thị nào thì được xem xét, đánh giá phân loại theo các tiêu chí, tiêu chuẩn của loại đô thị tương ứng. Việc đánh giá, phân loại đô thị phải phù hợp với đặc điểm vùng miền và yếu tố đặc thù. Phạm vi đánh giá, phân loại đô thị phải trùng với phạm vi dự kiến hình thành đơn vị hành chính đô thị.

4. Đánh giá phân loại đô thị đối với khu vực dự kiến hình thành đô thị trong tương lai là một trong những cơ sở để thành lập, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính đô thị, sắp xếp đơn vị hành chính đô thị. Trường hợp đặc biệt để đáp ứng yêu cầu quốc phòng, an ninh thì cơ quan có thẩm quyền quyết định thành lập đơn vị hành chính đô thị trước khi khu vực đó được quy hoạch và đầu tư xây dựng đạt tiêu chí phân loại đô thị.

5. Rà soát, đánh giá phân loại đô thị là cơ sở thành lập, điều chỉnh, sáp nhập đơn vị hành chính đô thị mà phạm vi dự kiến không trùng với phạm vi phân loại đô thị đã được công nhận; Đánh giá tiêu chuẩn trình độ phát triển cơ sở hạ tầng và kiến trúc cảnh quan đô thị là cơ sở thành lập đơn vị hành cính quận, phường.

6. Việc phân loại đô thị được thực hiện bằng phương pháp tính điểm. Điểm phân loại đô thị là tổng số điểm đạt được của các tiêu chí."

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 9 như sau:

"Điều 9. Áp dụng phân loại đô thị theo vùng miền và đặc thù

1. Áp dụng phân loại đô thị theo vùng miền

a) Đô thị thuộc vùng đồng bằng sông Hồng và vùng Đông Nam Bộ thì phân loại đô thị theo quy định của loại đô thị tương ứng;

b) Đô thị thuộc vùng Trung du và miền núi phía Bắc và Tây Nguyên thì tiêu chí quy mô dân số có thể thấp hơn nhưng tối thiểu đạt 60% mức quy định; tiêu chí mật độ dân số trên diện tích đất tự nhiên có thể thấp hơn nhưng tối thiểu đạt 50% mức quy định; các tiêu chí khác phải đạt mức quy định của loại đô thị tương ứng;

c) Đô thị thuộc vùng Bắc Trung bộ và Duyên hải miền Trung thì tiêu chí quy mô dân số có thể thấp hơn nhưng tối thiểu đạt 80% mức quy định; tiêu chí mật độ dân số trên diện tích đất tự nhiên có thể thấp hơn nhưng tối thiểu đạt 70% mức quy định; các tiêu chí khác phải đạt mức quy định của loại đô thị tương ứng;

d) Đô thị thuộc vùng Đồng bằng sông Cửu Long thì tiêu chí quy mô dân số có thể thấp hơn nhưng tối thiểu đạt 70% mức quy định; tiêu chuẩn mật độ dân số

trên diện tích đất tự nhiên có thể thấp hơn nhưng tối thiểu đạt 70% mức quy định; các tiêu chí khác phải đạt mức quy định của loại đô thị tương ứng;

e) Đô thị có đường biên giới quốc gia thì tiêu chí quy mô dân số có thể thấp hơn nhưng tối thiểu đạt 50% mức quy định; các tiêu chí khác tối thiểu đạt 70% mức quy định của loại đô thị tương ứng;

g) Đô thị ở hải đảo thì các tiêu chí về quy mô dân số, mật độ dân số, tỷ lệ lao động phi nông nghiệp và tiêu chuẩn về trình độ phát triển kinh tế - xã hội có thể thấp hơn nhưng tối thiểu đạt 30% mức quy định; tiêu chí trình độ phát triển cơ sở hạ tầng và kiến trúc cảnh quan đô thị có thể thấp hơn nhưng tối thiểu đạt 50% mức quy định của loại đô thị tương ứng;

h) Đô thị loại III, loại IV, loại V thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế- xã hội đặc biệt khó khăn theo danh mục địa bàn ưu đãi đầu tư được Chính phủ quy định thì tiêu chí trình độ phát triển kinh tế-xã hội, trình độ phát triển cơ sở hạ tầng và kiến trúc cảnh quan có thể thấp hơn nhưng tối thiểu đạt 70% mức quy định của loại đô thị tương ứng;

i) Đô thị thuộc địa bàn chịu tác động từ biến đổi khí hậu, rủi ro thiên tai theo kịch bản biến đổi khí hậu quốc gia, thuộc danh mục đô thị triển khai thực hiện đề án phát triển đô thị Việt Nam ứng phó với biến đổi khí hậu được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, có quy hoạch, kế hoạch ứng phó với biến đổi khí hậu thì tiêu chí mật độ dân số, cơ cấu trình độ phát triển kinh tế xã hội và trình độ phát triển cơ sở hạ tầng và kiến trúc cảnh quan có thể thấp hơn nhưng tối thiểu đạt 70% mức quy định của loại đô thị tương ứng.

2. Phân loại đô thị áp dụng đặc thù

a) Đô thị, khu vực dự kiến hình thành đô thị theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền về việc bảo tồn phát huy giá trị đặc biệt về di sản văn hóa, lịch sử, thiên nhiên và du lịch đã được cấp quốc gia và quốc tế công nhận thì các tiêu chí phân loại đô thị có thể thấp hơn nhưng tối thiểu phải đạt 60% mức quy định của loại đô thị tương ứng trừ các nhóm tiêu chuẩn về giao thông, vệ sinh môi trường và kiến trúc, cảnh quan đô thị thuộc tiêu chí trình độ phát triển cơ sở hạ tầng và kiến trúc cảnh quan phải đạt mức quy định của loại đô thị tương ứng;

b) Đô thị, khu vực dự kiến hình thành đô thị được quy hoạch và đầu tư xây dựng quản lý phát triển thành đô thị thông minh - sáng tạo, khoa học- công nghệ thì tiêu chí quy mô dân số và mật độ dân số có thể thấp hơn nhưng tối thiểu đạt 60% mức quy định; các tiêu chí khác phải đạt mức quy định của loại đô thị tương ứng.

3. Trường hợp phân loại đô thị theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền về việc sắp xếp đơn vị hành chính đô thị thì nhóm tiêu chuẩn về cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội và tiêu chí trình độ phát triển cơ sở hạ tầng và kiến trúc cảnh quan đô thị của khu vực được đánh giá phân loại có thể thấp hơn nhưng tối thiểu đạt 50% mức quy định của loại đô thị quy định tại Nghị quyết này.”

3. Sửa đổi, bổ sung Điều 12 như sau:

“Điều 12. Lập đề án và các báo cáo phân loại đô thị

1. Lập đề án phân loại đô thị

a) Đề án phân loại đô thị được lập cho đô thị, khu vực dự kiến thành lập đơn vị hành chính đô thị

b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức lập đề án phân loại đô thị đối với đô thị loại đặc biệt và loại I là thành phố trực thuộc trung ương; Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức lập đề án phân loại đô thị đối với đô thị loại I là thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương, đô thị loại II, loại III, loại IV và loại V;

c) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện theo phân cấp tổ chức lập đề án phân loại đô thị trình Hội đồng nhân dân cùng cấp thông qua đề án trước khi gửi cơ quan có thẩm quyền thẩm định;

d) Đối với đô thị loại V đã được công nhận thị trấn hoặc chưa có dự kiến thành lập thị trấn thì sau khi đề án được cơ quan có thẩm quyền thẩm định, Ủy ban nhân dân cấp huyện trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để trình Hội đồng nhân dân cùng cấp thông qua trước khi quyết định công nhận loại đô thị.

Đối với đô thị loại V được đánh giá, phân loại để làm cơ sở cho việc lập đề án thành lập thị trấn thì trước khi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công nhận loại đô thị phải gửi hồ sơ đề án để lấy ý kiến Bộ Xây dựng về sự phù hợp với các định hướng quy hoạch, chương trình phát triển đô thị quốc gia và nội dung, trình tự thủ tục lập Đề án.

2. Lập các Báo cáo phân loại đô thị

a) Báo cáo phân loại đô thị được lập cho các đô thị đã được công nhận loại đô thị mà khi thành lập đơn vị hành chính phạm vi phân loại đô thị không trùng với phạm vi thành lập đơn vị hành chính bao gồm cả nội thành, nội thị, ngoại thành, ngoại thị; Báo cáo đánh giá các tiêu chuẩn về trình độ phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị được lập cho các khu vực dự kiến thành lập quận, phường.

b) Ủy Ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức rà soát, đánh giá về các tiêu chí phân loại đô thị đối với khu vực dự kiến thành lập đơn vị hành chính đô thị mà phạm vi phân loại đô thị đã được công nhận không trùng với phạm vi ranh giới đơn vị hành chính dự kiến thành lập;

c) Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức rà soát quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết, lập báo cáo đánh giá các tiêu chuẩn về trình độ phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị đối với khu vực dự kiến thành lập quận, phường để mở rộng nội thành, nội thị hoặc khu vực dự kiến sáp nhập vào đơn vị hành chính đô thị;

d) Cơ quan tổ chức lập lập Báo cáo phân loại đô thị và báo cáo đánh giá các tiêu chuẩn về trình độ phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị gửi lấy ý kiến

thẩm định của Bộ Xây dựng trước khi tiến hành các thủ tục thành lập đơn vị hành chính đô thị.

4. Cơ quan tổ chức lập đề án hoặc báo cáo phân loại đô thị được thuê tư vấn thực hiện. Tổ chức tư vấn lập đề án hoặc báo cáo phân loại đô thị, phải có tư cách pháp nhân đáp ứng điều kiện về năng lực chuyên môn về quy hoạch đô thị hoặc quản lý đô thị. Việc lựa chọn tổ chức tư vấn lập đề án hoặc báo cáo phân loại đô thị thực hiện theo quy định của pháp luật đấu thầu và các pháp luật có liên quan.

5. Kinh phí phân loại đô thị, phí thẩm định Đề án, báo cáo phân loại đô thị do ngân sách nhà nước đảm bảo và huy động từ các nguồn vốn hợp pháp khác.

6. Hồ sơ Đề án phân loại đô thị gồm: (1) thuyết minh đề án, phụ lục gồm văn bản pháp lý, bảng biểu số liệu, các bản vẽ thu nhỏ và; (2) Phim minh họa thực trạng phát triển đô thị khoảng 20 phút. Số liệu của đề án lấy theo mốc 31 tháng 12 năm trước liền kề với năm trình cơ quan có thẩm quyền phân loại đô thị và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cung cấp hoặc công bố.

a) Thuyết minh Đề án phân loại đô thị cần phải nêu rõ lý do và sự cần thiết, khái quát quá trình lịch sử hình thành và phát triển của đô thị, đánh giá hiện trạng phát triển đô thị và chất lượng công trình hạ tầng đô thị, tổng hợp các tiêu chuẩn của các tiêu chí phân loại đô thị và đánh giá phân loại đô thị theo quy định tại Phụ lục 1 của Nghị quyết này, báo cáo tóm tắt chương trình phát triển đô thị và kế hoạch nâng cao chất lượng đô thị các giai đoạn tiếp theo, kết luận và kiến nghị;

b) Các bản vẽ thu nhỏ (A3) gồm: sơ đồ vị trí mối liên hệ vùng (01 bản), bản đồ địa giới hành chính đô thị (01 bản), bản đồ hiện trạng xây dựng đô thị và vị trí các dự án đang triển khai thực hiện (01 bản), bản đồ quy hoạch chung đô thị trong đó thể hiện rõ định hướng phát triển không gian, sử dụng đất và dự kiến hình thành các đơn vị hành chính đô thị trực thuộc mới (nếu có).

7. Báo cáo phân loại đô thị gồm thuyết minh, phụ lục gồm văn bản pháp lý, bảng biểu số liệu và các bản vẽ thu nhỏ. Số liệu của Báo cáo do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cung cấp hoặc công bố tại thời điểm lập báo cáo.

a) Thuyết minh báo cáo phân loại đô thị nêu lý do và sự cần thiết, phạm vi, khái quát hiện trạng phát triển đô thị và chất lượng công trình hạ tầng đô thị, tổng hợp các tiêu chuẩn của các tiêu chí phân loại đô thị và đánh giá phân loại đô thị theo quy định tại Phụ lục 1 của Nghị quyết này; báo cáo tóm tắt chương trình phát triển đô thị và kế hoạch nâng cao chất lượng toàn đô thị và từng khu vực dự kiến mở rộng, kết luận và kiến nghị;

b) Các bản vẽ thu nhỏ (A3) gồm: bản đồ địa giới hành chính đô thị (01 bản), bản đồ hiện trạng xây dựng đô thị và vị trí các dự án đang triển khai thực hiện (01 bản), bản đồ quy hoạch chung đô thị trong đó thể hiện rõ định hướng phát triển không gian, sử dụng đất và dự kiến hình thành các đơn vị hành chính đô thị trực thuộc mới (nếu có), bản đồ quy hoạch phân khu hoặc quy hoạch chi

tiết khu vực dự kiến thành lập phường, quận (nếu có); bản đồ quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết khu vực dự kiến thành lập phường, quận;

8. Báo cáo đánh giá tiêu chuẩn về trình độ phát triển cơ sở hạ tầng gồm thuyết minh, phụ lục gồm văn bản pháp lý, bảng biểu số liệu và các bản vẽ thu nhỏ. Số liệu của báo cáo do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cung cấp hoặc công bố tại thời điểm lập báo cáo.

a) Thuyết minh Báo cáo đánh giá tiêu chuẩn về trình độ phát triển cơ sở hạ tầng nêu rõ căn cứ pháp lý, sự phù hợp với quy hoạch chung đô thị, quy hoạch phân khu hoặc quy hoạch chi tiết đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; khái quát-hiện trạng đầu tư và chất lượng công trình hạ tầng đô thị tại khu vực dự kiến hình thành quận hoặc phường, tổng hợp và đánh giá các tiêu chuẩn theo quy định tại Phụ lục 2 của Nghị quyết này; kết luận và kiến nghị;

c) Các bản vẽ thu nhỏ (A3) gồm: bản đồ địa giới hành chính đô thị (01 bản), bản đồ hiện trạng xây dựng đô thị và vị trí các dự án đang triển khai thực hiện tại khu vực dự kiến thành lập phường, quận (01 bản), bản đồ quy hoạch sử dụng đất trong quy hoạch phân khu hoặc quy hoạch chi tiết của khu vực dự kiến thành lập phường, quận.”

4. Sửa đổi, bổ sung Điều 13 như sau:

“Điều 13. Thẩm định đề án và các báo cáo phân loại đô thị

1. Trách nhiệm thẩm định đề án và các báo cáo phân loại đô thị

a) Bộ Xây dựng tổ chức thẩm định đề án phân loại đô thị đối với đô thị loại đặc biệt, loại I, loại II, loại III và loại IV; thành phần hội đồng thẩm định gồm Chủ tịch hội đồng là Lãnh đạo Bộ Xây dựng, các thành viên Hội đồng là đại diện các Bộ, ngành, các tổ chức có liên quan đến quy hoạch đô thị, phát triển đô thị.

b) Sở Xây dựng hoặc Sở Quy hoạch Kiến trúc đối với Hà Nội và Hồ Chí Minh tổ chức thẩm định đề án phân loại đô thị loại V; thành phần hội đồng thẩm định gồm Chủ tịch Hội đồng là lãnh đạo Sở Xây dựng hoặc Sở được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được giao nhiệm vụ là Chủ tịch Hội đồng và thành viên Hội đồng là đại diện các Sở, Ban ngành có liên quan, đại diện các tổ chức có liên quan đến quy hoạch đô thị, phát trển đô thị.

c) Bộ Xây dựng thẩm định Báo cáo phân loại đô thị và Báo cáo đánh giá tiêu chuẩn về trình độ phát triển cơ sở hạ tầng.

2. Nội dung thẩm định đề án và các báo cáo phân loại đô thị

a) Căn cứ pháp lý, trình tự, thủ tục;

b) Sự phù hợp của Đề án, các Báo cáo phân loại đô thị với các quy hoạch, quy hoạch đô thị, kế hoạch, chương trình phát triển đô thị đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

c) Rà soát, khảo sát, kiểm tra thực trạng phát triển đô thị, đối chiếu nội dung đề án, các Báo cáo phân loại đô thị với quy định tại Nghị quyết này;

d) Đánh giá điểm đạt được các tiêu chí, tiêu chuẩn phân loại đô thị.

3. Hồ sơ trình thẩm định

a) Hồ sơ trình thẩm định Đề án gồm: Tờ trình Ủy ban nhân dân và Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh; Hồ sơ đề án phân loại đô thị được quy định tại khoản 6 Điều 12 của Nghị quyết này.

b) Hồ sơ trình Báo cáo phân loại đô thị gồm: Tờ trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Hồ sơ đề án phân loại đô thị được quy định tại khoản 7 Điều 12 của Nghị quyết này.

c) Hồ sơ trình Báo cáo đánh giá tiêu chuẩn về trình độ phát triển cơ sở hạ tầng gồm: Tờ trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Hồ sơ đề án phân loại đô thị được quy định tại khoản 8 Điều 12 của Nghị quyết này.

4. Cơ quan thẩm định có trách nhiệm tổ chức thẩm định đề án và các báo cáo phân loại đô thị trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định tại Nghị quyết này.

5. Người có thẩm quyền phân loại đô thị quy định tại Điều 11 của Nghị quyết này có trách nhiệm xem xét, quyết định công nhận loại đô thị trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tờ trình, đề án phân loại đô thị và báo cáo thẩm định.”

5. Bổ sung Điều 13a sau Điều 13 như sau:

“Điều 13a. Trách nhiệm Quản lý, kiểm tra giám sát về phân loại đô thị

1. Chính phủ có trách nhiệm chỉ đạo, thống nhất quản lý nhà nước về phân loại đô thị trên phạm vi cả nước; xây dựng và ban hành Chương trình phát triển đô thị quốc gia, cơ chế chính sách phân bổ ngân sách, tài chính, quản lý sử dụng đất đô thị, bảo vệ môi trường đô thị phù hợp với phân loại đô thị;

2. Bộ Xây dựng chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện thống nhất quản lý nhà nước trong hoạt động phân loại đô thị, kiểm tra, giám sát công tác phân loại đô thị và sau khi đô thị được phân loại theo quy định.

3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm:

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng kế hoạch và hoàn thiện các tiêu chuẩn phân loại đô thị chưa đạt hoặc đạt thấp (nếu có) sau khi được phân loại đô thị theo quy định. Hàng năm, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo Bộ Xây dựng kế hoạch và kết quả hoàn thiện những tiêu chuẩn phân loại đô thị chưa đạt. Kết quả hoàn thiện các tiêu chuẩn phân loại đô thị là căn cứ để cơ quan có thẩm quyền xem xét phân loại đô thị cho giai đoạn tiếp theo (nếu có).

b) Đối với các đô thị đã được thành lập, điều chỉnh phạm vi hành chính đô thị hoặc thực hiện sắp xếp sáp nhập đơn vị hành chính đô thị với một hoặc

một số đơn vị hành chính cùng cấp khác thì Ủy ban nhân cấp tỉnh phải tổ chức rà soát, điều chỉnh quy hoạch đô thị, chương trình phát triển đô thị, đầu tư phát triển đô thị đảm bảo tiêu chí phân loại đô thị;

c) Định kỳ 5 năm kể từ ngày đô thị được công nhận phân loại, Ủy ban nhân cấp tỉnh phải tổ chức rà soát đô thị trên địa bàn quản lý theo tiêu chí phân loại đô thị, báo cáo Bộ Xây dựng."

6. Thay thế phụ lục 1, 2, 3 bằng phụ lục 1, 2, 3 kèm theo Nghị quyết này.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm 2021;

2. Quy định chuyển tiếp

a) Đối với các đô thị đã có quyết định công nhận loại đô thị trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thì không phải phân loại lại, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này.

b) Đối với đô thị đã có đề án phân loại đô thị trình cơ quan có thẩm quyền thẩm định trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thì cơ quan có thẩm quyền tổ chức thẩm định và trình người có thẩm quyền ban hành quyết định công nhận phân loại đô thị theo quy định của Nghị quyết này.

c) Đối với đô thị được công nhận loại đô thị trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực, khi thành lập đơn vị hành chính đô thị mà phạm vi được phân loại đô thị không trùng với phạm vi ranh giới dự kiến thành lập, thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức lập báo cáo phân loại đô thị trên phạm vi toàn bộ đơn vị hành chính dự kiến thành lập không chỉ đánh giá khu vực dự kiến mở rộng nội thành, nội thị để thành lập quận, phường hoặc khu vực dự kiến sáp nhập vào đơn vị hành chính đô thị.

Bộ Xây dựng thẩm định Báo cáo phân loại đô thị trước khi tiến hành các thủ tục pháp lý khác để thành lập đơn vị hành chính đô thị.

d) Đối với các đơn vị hành chính đô thị thực hiện sắp xếp, sáp nhập trong giai đoạn 2019-2021, sau 05 năm kể từ ngày được sắp xếp, sáp nhập, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức lập báo cáo phân loại đô thị và trình Bộ Xây dựng tổ chức đánh giá.

3. Giao Chính phủ chỉ đạo các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan khác ở trung ương, các địa phương, đơn vị có liên quan triển khai thực hiện Nghị quyết này.

TM. ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI
CHỦ TỊCH

Vương Đình Huệ